ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2448 /QĐ-UBND	*Lai Châu, ngày 12 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án: Xây dựng một số tuyến đường trọng yếu khu vực biên giới

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 26/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng một số tuyến đường trọng yếu khu vực biên giới;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5832/TTr-SXD ngày 24/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Xây dựng một số tuyến đường trọng yếu khu vực biên giới, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Xây dựng một số tuyến đường trọng yếu khu vực biên giới.

2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình, thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Dự án nhóm B; công trình giao thông; công trình đường cấp IV, công trình cầu cấp III (theo Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 25/6/2026 của Bộ Xây dựng).

3. Mã định danh: 1226416738100

4. Địa điểm xây dựng, diện tích sử dụng đất

4.1. Địa điểm xây dựng: Xã Sin Suối Hồ và xã Sì Lở Lầu, tỉnh Lai Châu.

4.2. Diện tích sử dụng đất của dự án: 54,37 ha.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

6. Chủ đầu tư: Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lai Châu.

7. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần tư vấn Xuân Trường.

8. Mục tiêu dự án

Bảo đảm cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc cơ động lực lượng thực hiện công tác tuần tra bảo vệ đường biên, mốc giới, giữ vững an ninh, chính trị trên khu vực biên giới. Từng bước hoàn thiện hệ thống đường tuần tra, đường ra biên giới phục vụ nhu cầu đi lại kết hợp đảm bảo quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kinh tế, ổn định dân cư biên giới, phòng chống cháy rừng, tạo hệ thống phòng thủ vững chắc, thúc đẩy giao thương hàng hóa và phát triển kinh tế biên mậu giữa Việt Nam và Trung Quốc qua các lối mở.

9. Quy mô đầu tư

Nâng cấp, xây dựng mới một số tuyến đường trọng yếu khu vực biên giới với tổng chiều dài khoảng 32,72 km, được thiết kế theo tiêu chuẩn TCVN/QS 1472-2009 (Đường tuần tra biên giới - Yêu cầu thiết kế) kết hợp tiêu chuẩn TCVN 10380:2014 (Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế). Các tuyến được đầu tư nền đường, mặt đường, hệ thống thoát nước và các công trình trên tuyến phù hợp với từng đoạn tuyến; quy mô và giải pháp thiết kế chủ yếu của từng tuyến như sau:

9.1. Đoạn tuyến 1: Đoạn tuyến từ bản Ma Ly Chải ra khu vực cột mốc 70

a) Vị trí xây dựng

- Điểm đầu: Km64+400 đường tỉnh 132.

- Điểm cuối: Km27+600 đường tuần tra cửa khẩu Ma Lù Thàng - Vàng Ma Chải.

b) Quy mô đầu tư

Đầu tư xây dựng đoạn tuyến có chiều dài khoảng 5,14 km, được thiết kế theo tiêu chuẩn TCVN/QS 1472- 2009.

c) Giải pháp thiết kế

- Nền đường: Tận dụng mặt đường cũ đối với những đoạn mặt đường còn tốt, đảm bảo bề rộng nền mặt đường; sửa chữa, xây dựng mới tại một số vị trí bị hư hỏng, không đảm bảo yếu tố kỹ thuật. Những đoạn tuyến sửa chữa, xây dựng mới thiết kế với bề rộng nền đường $B_{nền}$ = 5,5 + W (m); bề rộng mặt đường $B_{mặt}$ = 3,5 + W (m); bề rộng lề đường $B_{lề}$ = 2x1,0 m (gia cố như kết cấu mặt đường).

- Kết cấu mặt đường: Bằng bê tông xi măng M250, dày 18 cm; lớp nilon; móng CPĐD loại II dày 12 cm, lu lèn K ≥0,98; lớp nền thượng dày 30 cm, lu lèn K≥95 (không áp dụng với nền đá cứng).

- Công trình thoát nước:

+ Gia cố rãnh thoát nước dọc bằng bê tông xi măng M150, rãnh hình thang kích thước chiều rộng đáy rãnh 0,4 m; chiều sâu 0,4 m; chiều rộng miệng rãnh 0,8 m tại các vị trí xung yếu. Những đoạn có địa chất đá cứng, thiết kế rãnh thoát nước dọc hình tam giác, kích thước chiều rộng đáy rãnh phía trong 0,3 m, phía ngoài 0,5 m; chiều sâu 0,4 m; chiều rộng miệng rãnh 0,8 m. Các vị trí nút giao và qua khu dân cư thiết kế rãnh chịu lực, tấm đan với kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép.

+ Đối với cống thoát nước ngang: Thiết kế theo định hình; kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép, đá hộc xây; tải trọng thiết kế H13-X60.

- Công trình cầu: Xây dựng mới cầu Tả Páo Hồ bằng bê tông cốt thép DUL: Kết cấu nhịp giản đơn, sơ đồ nhịp 2x33 m; tải trọng thiết kế HL93; bề rộng toàn cầu Bc=7,0 m. Mố, trụ cầu bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ được đặt trên hệ thống móng cọc khoan nhồi.

- Công trình phòng hộ: Thiết kế kè bê tông, kè rọ đá, ốp mái gia cố theo quy định.

- Đoạn tránh xe: Nền đường rộng 7,5 m; chiều dài 30 m, trong đó chiều dài đoạn chuyển tiếp là 10 m.

- Hệ thống ATGT: Theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

9.2. Đoạn tuyến 2: Đoạn tuyến từ bản Gia Khâu ra khu vực cột mốc 71

a) Vị trí xây dựng

- Điểm đầu: Km72+700 đường tỉnh 132.

- Điểm cuối: Khu vực Mốc giới số 71.

b) Quy mô đầu tư

Đầu tư xây dựng đoạn tuyến có chiều dài khoảng 1,92 km theo quy mô đường GTNT C theo tiêu chuẩn TCVN 10380:2014 kết hợp tiêu chuẩn TCVN/QS 1472-2009.

c) Giải pháp thiết kế

- Nền đường: Bề rộng nền đường $B_{nền}$ = 4,0 + W (m); bề rộng mặt đường $B_{mặt}$ = 3,0 + W (m); bề rộng lề đường $B_{lề}$ = 2x0,5 m (gia cố tại một số đoạn xung yếu như kết cấu mặt đường).

- Kết cấu mặt đường: Bằng bê tông xi măng M250, dày 18 cm; lớp nilon; móng CPĐD loại II dày 12 cm, lu lèn K ≥0,98; lớp nền thượng dày 30 cm, lu lèn K≥95 (không áp dụng với nền đá cứng).

- Công trình thoát nước:

+ Gia cố rãnh thoát nước dọc bằng bê tông xi măng M150, rãnh hình thang

kích thước chiều rộng đáy rãnh 0,4 m; chiều sâu 0,4 m; chiều rộng miệng rãnh 0,8 m tại các vị trí xung yếu. Những đoạn có địa chất đá cứng, thiết kế rãnh thoát nước dọc hình tam giác, kích thước chiều rộng đáy rãnh phía trong 0,3 m, phía ngoài 0,5 m; chiều sâu 0,4 m; chiều rộng miệng rãnh 0,8 m. Các vị trí nút giao và qua khu dân cư thiết kế rãnh chịu lực, tấm đan với kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép.

+ Đối với cống thoát nước ngang: Thiết kế theo định hình; kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép, đá hộc xây; tải trọng thiết kế H13-X60.

- Công trình phòng hộ: Thiết kế kè bê tông, kè rọ đá, ốp mái gia cố theo quy định.

- Đoạn tránh xe: Nền đường rộng 7 m; chiều dài 15 m, trong đó chiều dài đoạn chuyển tiếp là 5 m.

- Hệ thống ATGT: Theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

9.3. Đoạn tuyến 3: Từ bản Chảng Phàng đến bản Sàng Mà Pho.

a) Vị trí xây dựng

- Điểm đầu: Kết nối với đường nhựa hiện có tại bản Chảng Phàng.

- Điểm cuối: Đầu bản Sàng Mà Pho.

b) Quy mô đầu tư

Đầu tư xây dựng đoạn tuyến có chiều dài khoảng 3,6 km theo quy mô đường GTNT A (địa hình miền núi) theo tiêu chuẩn TCVN 10380:2014 kết hợp tiêu chuẩn TCVN/QS 1472-2009.

c) Giải pháp thiết kế

- Nền, mặt đường: Bề rộng nền đường $B_{nền}$ = 6,0 + W (m); bề rộng mặt đường $B_{mặt}$ = 3,5 + W (m); bề rộng lề đường $B_{lề}$ = 2x1,25 m (gia cố lề rộng 2x0,75 m như kết cấu mặt đường).

- Kết cấu mặt đường: Láng nhựa 3 lớp, tiêu chuẩn 4,5kg/m^2; móng đá dăm nước lớp trên dày 15 cm, đá dăm nước lớp dưới dày 15 cm; lớp nền thượng dày 30 cm, lu lèn K≥98 (không áp dụng với nền đá cứng).

- Công trình thoát nước:

+ Gia cố rãnh thoát nước dọc bằng bê tông xi măng M150, rãnh hình thang kích thước chiều rộng đáy rãnh 0,4 m; chiều sâu 0,4 m; chiều rộng miệng rãnh 0,8 m tại các vị trí xung yếu. Những đoạn có địa chất đá cứng, thiết kế rãnh thoát nước dọc hình tam giác, kích thước chiều rộng đáy rãnh phía trong 0,3 m, phía ngoài 0,5 m; chiều sâu 0,4 m; chiều rộng miệng rãnh 0,8 m. Các vị trí nút giao và qua khu dân cư thiết kế rãnh chịu lực, tấm đan với kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép.

+ Đối với cống thoát nước ngang: Thiết kế theo định hình; kết cấu bằng

bê tông, bê tông cốt thép, đá hộc xây; tải trọng thiết kế H13-X60.

- Công trình phòng hộ: Thiết kế kè bê tông, kè rọ đá, ốp mái gia cố theo quy định.

- Hệ thống ATGT: Theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

9.4. Đoạn tuyến 4: Từ bản Sàng Mà Pho ra khu vực mốc giới số 85

a) Vị trí xây dựng

- Điểm đầu: Nối tiếp đoạn tuyến 3.

- Điểm cuối: Khu vực mốc giới số 85.

b) Quy mô đầu tư

Đầu tư xây dựng đoạn tuyến có chiều dài khoảng 20,87 km theo quy mô đường GTNT C theo tiêu chuẩn TCVN 10380:2014 kết hợp tiêu chuẩn TCVN/QS 1472-2009.

c) Giải pháp thiết kế

- Nền, mặt đường: Bề rộng nền đường $B_{nền}$ = 4,0 + W (m); bề rộng mặt đường $B_{mặt}$ = 3,0 + W (m); bề rộng lề đường $B_{lề}$ = 2x0,5 m (gia cố tại một số đoạn xung yếu như kết cấu mặt đường).

- Kết cấu mặt đường: Bằng bê tông xi măng M250, dày 18 cm; lớp nilon; móng CPĐD loại II dày 12 cm, lu lèn K ≥0,98; lớp nền thượng dày 30 cm, lu lèn K≥95 (không áp dụng với nền đá cứng).

- Công trình thoát nước:

+ Gia cố rãnh thoát nước dọc bằng bê tông xi măng M150, rãnh hình thang kích thước chiều rộng đáy rãnh 0,4 m; chiều sâu 0,4 m; chiều rộng miệng rãnh 0,8 m tại các vị trí xung yếu. Những đoạn có địa chất đá cứng, thiết kế rãnh thoát nước dọc hình tam giác, kích thước chiều rộng đáy rãnh phía trong 0,3 m, phía ngoài 0,5 m; chiều sâu 0,4 m; chiều rộng miệng rãnh 0,8 m. Các vị trí nút giao và qua khu dân cư thiết kế rãnh chịu lực, tấm đan với kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép.

+ Đối với cống thoát nước ngang: Thiết kế theo định hình; kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép, đá hộc xây; tải trọng thiết kế H13-X60.

- Công trình cầu: Xây dựng mới cầu Sàng Mà Pho bằng bê tông cốt thép DƯL: Kết cấu nhịp giản đơn, sơ đồ nhịp 1x33 m; tải trọng thiết kế HL93; bề rộng toàn cầu B_c=7,0 m. Mố cầu bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ được đặt trên hệ thống móng cọc khoan nhồi.

- Công trình phòng hộ: Thiết kế kè bê tông, kè rọ đá, ốp mái gia cố theo quy định.

- Đoạn tránh xe: Nền đường rộng 7 m; chiều dài 15 m, trong đó chiều dài

đoạn chuyển tiếp là 5 m.

- Hệ thống ATGT: Theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

9.5. Đoạn tuyến 5: Tuyến nội bản Sàng Mà Pho.

a) Vị trí xây dựng

- Điểm đầu: Tại điểm đầu đoạn tuyến 4.

- Điểm cuối: Cuối bản Sàng Mà Pho.

b) Quy mô đầu tư

Đầu tư xây dựng đoạn tuyến có chiều dài khoảng 1,19 km theo quy mô đường GTNT C theo tiêu chuẩn TCVN 10380:2014 kết hợp tiêu chuẩn TCVN/QS 1472-2009.

c) Giải pháp thiết kế

- Nền, mặt đường: Bề rộng nền đường $B_{nền}$ = 4,0 + W (m); bề rộng mặt đường $B_{mặt}$ = 3,0 + W (m); bề rộng lề đường $B_{lề}$ = 2x0,5 m (gia cố như kết cấu mặt đường).

- Kết cấu mặt đường: Bằng bê tông xi măng M250, dày 18 cm; lớp nilon; móng CPĐD loại II dày 12 cm, lu lèn K ≥0,98; lớp nền thượng dày 30 cm, lu lèn K≥95 (không áp dụng với nền đá cứng).

- Công trình thoát nước:

+ Gia cố rãnh thoát nước dọc bằng bê tông xi măng M150, rãnh hình thang kích thước chiều rộng đáy rãnh 0,4 m; chiều sâu 0,4 m; chiều rộng miệng rãnh 0,8 m tại các vị trí xung yếu. Những đoạn có địa chất đá cứng, thiết kế rãnh thoát nước dọc hình tam giác, kích thước chiều rộng đáy rãnh phía trong 0,3 m, phía ngoài 0,5 m; chiều sâu 0,4 m; chiều rộng miệng rãnh 0,8 m. Các vị trí nút giao và qua khu dân cư thiết kế rãnh chịu lực, tấm đan với kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép.

+ Đối với cống thoát nước ngang: Thiết kế theo định hình; kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép, đá hộc xây; tải trọng thiết kế H13-X60.

- Công trình phòng hộ: Thiết kế kè bê tông, kè rọ đá, ốp mái gia cố theo quy định.

- Hệ thống ATGT: Theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

10.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

10.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

a) Tiêu chuẩn áp dụng trong công tác khảo sát

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã tiêu chuẩn
1	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN
2	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
3	Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình	TCVN 9437:2012
4	Tiêu chuẩn khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu	TCCS 41:2022/TCĐBVN
5	Quy trình thí nghiệm xuyên tĩnh có đo áp lực nước lỗ rỗng (CPTu)	TCVN 9846:2013
6	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012
7	Đá xây dựng - Phương pháp xác định độ bền nén trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014
8	Đất xây dựng - Phương pháp xác định các chỉ tiêu cơ lý	TCVN 4195:2012÷ TCVN 4197:2012; TCVN 4198:2014; TCVN 4199:1995; TCVN 4200:2012÷ TCVN 4202:2012

b) Tiêu chuẩn áp dụng trong công tác thiết kế

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã tiêu chuẩn
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ (vận dụng)	QCVN 41:2024/BGTVT
2	Đường tuần tra biên giới	TCVN/QS 1472:2009
3	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế (tham khảo)	TCVN 4054:2005
4	Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế	TCVN 10380:2014
5	Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường	TCCS 39:2022/TCĐBVN
6	Áo đường mềm-Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
7	Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845:2013
8	Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ	TCVN 11823:2017
9	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737:2023
10	Thiết kế công trình chịu động đất	TCVN 9386:2025
11	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 5574:2018
12	Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5575:2024

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã tiêu chuẩn
13	Trang bị an toàn giao thông đường bộ - Dải phân cách và lan can phòng hộ	TCVN 12681:2019

c) Tiêu chuẩn áp dụng trong thi công và nghiệm thu

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã tiêu chuẩn
1	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
2	Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
3	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023
4	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - phần 5	TCVN 13567-5:2024
5	Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng	TCCS 40:2022/TCĐBVN
6	Mặt đường láng nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 8863:2025
7	Mặt đường ô tô - xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011
8	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Điều kiện kỹ thuật tối thiểu để thi công và nghiệm thu	TCVN 5724:1993
9	Sản phẩm bê tông cốt thép dự ứng lực trước - yêu cầu kỹ thuật và kiểm tra chấp nhận	TCVN 9114:2019
10	Cọc khoan nhồi - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9395:2012
11	Thi công cầu đường bộ	TCVN 12885:2020

- Một số tiêu chuẩn khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong đầu tư xây dựng

- Tổng mức đầu tư là: **400.000.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Bốn trăm tỷ đồng)*, trong đó:

+ Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 42.740.681.780 đồng

+ Chi phí xây dựng: 287.474.556.776 đồng

+ Chi phí quản lý dự án: 6.053.909.183 đồng

+ Chi phí tư vấn: 21.195.317.369 đồng

+ Chi phí khác: 4.423.760.165 đồng

+ Chi phí dự phòng: 38.111.774.727 đồng

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2029.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án

13.1. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách trung ương được giao tại Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 22/10/2026 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030.

13.2. Kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Dự kiến bố trí vốn năm 2026 - 2029.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê tư vấn quản lý dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng (Chủ đầu tư) có trách nhiệm:

1. Tổ chức triển khai các bước tiếp theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với các nội dung tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của dự án; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu, số liệu thuộc phạm vi quản lý.

2. Tiếp thu, hoàn thiện các nội dung theo Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, đảm bảo triển khai dự án phù hợp theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã: Sì Lở Lầu, Sin Suối Hồ; Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực IX (địa bàn Lai Châu) và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: V, TH;
- Lưu: VT, TH (Ngà).

CHỦ TỊCH

Hà Quang Trung